

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **01/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 12/01/2024

“*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Khuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Lan

2. Bà Thái Thị Thủy Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 495/2023/TLST- HNGĐ ngày 25/10/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST- HNGĐ ngày 05/01/2024 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ C, ấp G, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Hoàng Đức H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ C, ấp G, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh L – Phòng G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị và anh Hoàng Đức H trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau trong thời gian gần 01 năm thì tiến tới hôn nhân với nhau vào năm 1999, có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L (nay là huyện C), tỉnh Đồng Nai vào ngày 20/12/1999. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian dài thì xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân hơn 01 năm nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị Q trình bày: do anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, việc ngoại tình của anh H thì chị và gia đình chồng đều biết, gia đình chồng cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi. Nay do cuộc sống hôn nhân của chị và anh H không có hạnh

phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Hoàng Xuân Q1, sinh năm 2000 và Hoàng Xuân M, sinh ngày 24/6/2009. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Hoàng Xuân M, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Hoàng Xuân Q1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: chị xác định vợ chồng có 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, biển số 60C -652.50 đứng tên anh Hoàng Đức H, chị và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: chị xác định vợ chồng nợ Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh L- Phòng G số tiền 1000.000.000 đồng. Chị có ý kiến thỏa thuận với anh H được nhận chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, biển số 60C -652.50 và chịu trách nhiệm trả khoản nợ trên cho Ngân hàng. Nếu Ngân hàng không khởi kiện đòi nợ trong án này thì chị đề nghị tách thành vụ án khác.

** Từ khi thụ lý Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Hoàng đ huynh, nhưng anh H vẫn vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ.*

** Theo hồ sơ thể hiện Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh L- Phòng G trình bày:*

Ngân hàng có tài trợ cho chị Nguyễn Thị Q và anh Hoàng Đức H vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 202226911027 ngày 13/12/2022 với số tiền 1.000.000.000 đồng, ngày đáo hạn là 16/12/2023. Biện pháp bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản bảo đảm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 617 282 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 15/12/2015. Do khoản vay này chị Q và anh H luôn thanh toán đến hạn nên Ngân hàng không có yêu cầu khởi kiện đòi nợ trong vụ án ly hôn này.

** Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh thì ông Nguyễn Viết T - là cha ruột của chị Q cho biết: chị Q và anh H có thiết lập quan hệ vợ chồng với nhau. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị Q, H chung sống cùng với gia đình ông. Trong quá trình chung sống ông thấy giữa chị Q và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, trước đó thì do anh H có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống với nhau không có hạnh phúc.*

** Quan điểm của Viện kiểm sát huyện C:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

- Về nội dung: áp dụng Điều 5, Điều 6 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 131, Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Q và anh H ly hôn; về con

chung: giao cháu **Hoàng Xuân M**, sinh ngày 24/6/2009 cho chị **Q** trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh **H**; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Kiến nghị khắc phục: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị **Nguyễn Thị Q** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh **Hoàng Đức H**, xin nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ án về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh **Hoàng Đức H** có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: **tổ C, ấp G, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai**, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Q** có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **Hoàng Đức H** và **Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh L- Phòng G** đã được Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay anh **H** và Ngân hàng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị **Nguyễn Thị Q** và anh **Hoàng Đức H** đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, huyện L (nay là huyện C), tỉnh Đồng Nai** vào ngày 20/12/1999 theo đúng quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38/1999 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **Q** nhận thấy:

Theo trình bày của chị **Q** thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, do anh **H** có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, mặc dù chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh **H** vẫn không thay đổi. Nay do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **H**.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến hôm nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh **H** trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh **H** vẫn vắng mặt, điều này thể hiện anh **H** không tôn trọng pháp luật và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời qua lời trình bày của ông **Nguyễn Việt T** - là cha ruột của chị **Q** thì thấy: giữa anh **H** và chị **Q** có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã kéo dài thời gian hòa giải cho anh chị nhưng không thành, chị **Q** vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với anh **H**. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị **Q** được ly hôn với anh **H**.

[6] Về con chung: Khi ly hôn chị **Q** có nguyện vọng được nuôi cháu **M**, không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con. Qua lời trình bày của chị **Q** thì thấy

hiện tại chị Q có công việc và thu nhập ổn định và cháu M cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị Q. Vì vậy, xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu M thì thấy nên giao cháu M cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật Luật hôn nhân và gia đình. Nên chấp nhận cho chị Q được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu M.

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H.

Con chung Hoàng Xuân Q1, sinh năm 2000 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: chị Q xác định vợ chồng có 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, biển số 60C -652.50 đứng tên anh Hoàng Đức H, chị và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, do anh H vắng mặt không có lời khai nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[8] Về nợ chung: Chị Q và Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh L- Phòng G xác định chị Q và anh H có nợ Ngân hàng số tiền 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, Ngân hàng không có yêu cầu khởi kiện độc lập trong vụ án này nên không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự thì chị Q phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc áp giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, Điều 6, Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ Điều 131; Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Hoàng Đức H.

- Về con chung:

+ Con chung Hoàng Xuân Q1, sinh năm 2000 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

+ Giao con chung Hoàng Xuân M, sinh ngày 24/6/2009 cho chị Nguyễn Thị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Hoàng Đức H.

Khi cần thiết chị **Q** và anh **H** được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về án phí: chị **Nguyễn Thị Q** phải nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn*) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị **Q** đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 0000439 ngày 25/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ). Chị **Q** đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Nhân Nghĩa;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Khuyên